

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TƯ PHÁP



TÌM HIỂU PHẦN CHUNG
BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ
SUNG NĂM 2017)

Bắc Giang, tháng 8 năm 2018

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 được Quốc Hội khoá XIII kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 gồm 26 chương với 426 điều. So với BLHS năm 1999, Bộ luật mới đã tăng 02 chương với 72 điều, trong đó giữ nguyên 17 điều, bãi bỏ 08 điều, bổ sung mới 49 điều và sửa đổi, bổ sung 362 điều.

Tuy nhiên, do BLHS 2015 có nhiều thiếu sót, cần có thời gian sửa chữa, bổ sung, nên Bộ luật này đã bị hoãn thi hành theo quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội. Ngày 20/6/2017, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015. Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 thì BLHS năm 2015 (bao gồm cả phần sửa đổi, bổ sung năm 2017 - sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018.

BLHS năm 2015 gồm 426 điều được chia thành ba phần. Phần chung BLHS bao gồm 107 điều, chia thành 12 chương quy định về: Điều khoản cơ bản; Hiệu lực của BLHS; Tội phạm; Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự; Hình phạt; các biện pháp tư pháp; Quyết định hình phạt; Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt; Xóa án tích; Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội; Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Để BLHS năm 2015 đi vào cuộc sống, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của người dân về luật hình sự trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp biên soạn cuốn tài liệu **“Tìm hiểu phần chung BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)”**.

Cuốn tài liệu này là một trong những tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hình sự; là tài liệu cho báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật nghiên cứu; phục vụ nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của cán bộ, Nhân dân trên địa bàn.

Sở Tư pháp rất mong nhận được sự trao đổi, chia sẻ và góp ý của quý bạn đọc để cuốn tài liệu được hoàn chỉnh hơn nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu của cán bộ, Nhân dân.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG

PHẦN I
QUY ĐỊNH VỀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN
CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017

Quy định về những điều khoản cơ bản về những vấn đề mang tính cốt lõi của pháp luật hình sự được bố trí thành 04 điều luật, nội dung là xác định nhiệm vụ của BLHS, cơ sở của trách nhiệm hình sự, nguyên tắc xử lý hành vi phạm tội và trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh tội phạm; phần sửa đổi, bổ sung năm 2017 tập trung vào nguyên tắc xử lý hành vi phạm tội.

1. Về Nhiệm vụ của BLHS năm 2015 (Điều 1)

Ngoài các nhiệm vụ được đề cập tại BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung thêm nhiệm vụ “*bảo vệ chủ quyền quốc gia*”, “*bảo vệ quyền con người*” và sắp xếp lại thứ tự các nhiệm vụ của BLHS. Theo đó, BLHS năm 2015 có 05 nhiệm vụ chủ yếu:

- *Một là*, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước;
- *Hai là*, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc;
- *Ba là*, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức;
- *Bốn là*, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội;
- *Năm là*, giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Quy định này tại BLHS năm 2015 có thay đổi so với BLHS năm 1999. Nhưng chủ yếu là mặt nhận thức chung về chính sách pháp luật hình sự. Trong đó, bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước được xác định là một nhiệm vụ, đồng thời là nhiệm vụ trước hết của BLHS; xác định rõ quy định cũ về “*bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân*” thành “*bảo vệ quyền con người, quyền công dân*” để định hình rõ nội hàm về nhiệm vụ bảo vệ các cá nhân trong xã hội của BLHS.

2. Về Cơ sở chịu trách nhiệm hình sự (Điều 2)

Ngoài cơ sở của trách nhiệm hình sự đã được quy định tại BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung thêm trách nhiệm hình sự của pháp nhân: Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm một tội được quy định tại BLHS năm 2015 (phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân) mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Đây là quy định mới, xác định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại - một chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự lần đầu tiên được BLHS quy định.

Về phạm vi trách nhiệm hình sự, thì pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hai nhóm tội là các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội phạm về môi trường được quy định tại Điều 76 của BLHS năm 2015. Trong số 31 tội phạm đó có 22 tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và 09 tội phạm về môi trường.

3. Về Nguyên tắc xử lý (Điều 3)

Nguyên tắc xử lý hình sự trong Điều 3 BLHS năm 2015 có sửa đổi các quy định đối với hành vi phạm tội của người phạm tội và bổ sung nguyên tắc xử lý hình sự đối với pháp nhân phạm tội so với quy định của BLHS năm 1999. Việc thay đổi cụm từ **“nam, nữ”** thành cụm từ **“giới tính”** đã bao quát được ngữ nghĩa phổ thông, khoa học của quy định đối với trách nhiệm hình sự từng con người trong xã hội, *kể cả những người không là “nam” cũng chẳng phải là “nữ”*.

Chính sách nghiêm trị đối với người phạm tội tại điều luật mới có thay đổi về mặt nhận thức khi lượng hình. Nếu ở quy định cũ quy định nghiêm trị đối tượng **lưu manh...** thì quy định mới đã bỏ từ **“lưu manh”**, và thay đổi từ đối tượng **“cố ý gây hậu quả nghiêm trọng”** - hậu quả ở mức thứ hai trong 4 mức, lên đối tượng **“cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”** - hậu quả ở mức thứ tư trong 4 mức của tội phạm. Đối với quy định về khoan hồng thì điều luật mới đã bổ sung thêm chính sách khoan hồng đối với người phạm tội **“đầu thú”** nhằm khuyến khích, quan tâm hợp lý đối với những người phạm tội đã bị phát hiện, ra đầu thú, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo vệ pháp luật.

Điều BLHS năm 1999 quy định **“phải chấp hành hình phạt tù trong trại giam”** thì điều luật mới quy định **“chấp hành hình phạt tù tại các cơ sở giam giữ”** để phù hợp với thực tế công tác giam, giữ, quản lý thi hành án hình sự hiện nay. Đối với những người chấp hành tốt các quy định ở nơi giam, giữ, nếu điều BLHS năm 1999 quy định **“nếu họ có nhiều tiến bộ...”** để phát sinh các hiểu, cách làm chung chung thì điều luật mới quy định rõ, cụ thể hơn là: **“nếu họ có đủ điều kiện do bộ luật này quy định”**. Ngoài ra, khi có đủ điều kiện do BLHS quy định, thì theo điều luật mới, không chỉ người đó được xét giảm chấp hành hình phạt như điều BLHS năm 1999 mà còn được **“tha tù trước thời hạn có điều kiện;”**.

Các quy định của điều luật mới về nguyên tắc xử lý hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội tương tự như quy định đối với cá nhân.

Trong phần sửa đổi, bổ sung năm 2017, nguyên tắc **“khoan hồng đối với cá nhân tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”** và **“khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm”** đã được loại bỏ.

4. Về Trách nhiệm phòng ngừa, đấu tranh và chống tội phạm (Điều 4)

Quy định của điều luật mới không khác nhiều so với điều BLHS năm 1999, chủ yếu là chỉnh sửa về từ ngữ cho hợp lý. Điều luật mới xác định rõ nhiệm vụ của 03 cơ quan tiến hành tố tụng là Công an, Viện kiểm sát, Tòa án (*không ghi cụ thể Tư pháp, Thanh tra như điều BLHS năm 1999*). Nếu như điều BLHS năm 1999 quy định “đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm” thì điều luật mới xác định lại phòng ngừa là một nhiệm vụ và đấu tranh chống tội phạm là một nhiệm vụ và xác định thứ tự, vị trí của nhiệm vụ phòng ngừa đi trước, nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm đi sau.

Sự thay đổi này chủ yếu thể hiện đúng cách diễn đạt về ngữ nghĩa của điều luật và để các cơ quan chức năng xác định lại mục tiêu, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện công việc được giao.

PHẦN II
QUY ĐỊNH VỀ HIỆU LỰC CỦA BLHS 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017

Quy định của BLHS 2015 về hiệu lực của BLHS được quy định tại 03 điều, điều chỉnh hành vi phạm tội của người nước ngoài, hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển thuộc vùng lãnh thổ quốc gia hoặc trên vùng biển cả hoặc vùng trời ngoài lãnh thổ.

1. Về Hiệu lực của BLHS đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam (Điều 5)

Hiệu lực của BLHS đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo quy định của BLHS năm 2015 sửa, bổ một số từ, câu không phù hợp, chỉnh lại cho gọn như: Từ “*các*” trước từ “*điều ước*”, trước từ “*quyền*” của khoản 2 điều BLHS năm 1999 hoặc sửa đoạn “*các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc quyền ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự*” của điều BLHS năm 1999 thành câu ngắn, rõ nghĩa là “*được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự. Tương tự sửa cụm từ “kết kết hoặc tham gia” thành cụm từ “là thành viên”*”.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 điều luật mới bổ sung một nội dung về hiệu lực của BLHS đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại một số vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam.

- Bổ sung hiệu lực của BLHS đối với hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam: BLHS năm 2015 được áp dụng đối với mọi hành vi phạm tội thực hiện trên lãnh thổ nước CHXHCNVN. Quy định này cũng được áp dụng đối với hành vi phạm tội hoặc hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra trên tàu bay, tàu biển mang quốc tịch Việt Nam hoặc tại vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam.

- Quy định lại nội dung áp dụng BLHS năm 2015 đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước CHXHCNVN: Đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước CHXHCNVN thuộc đối tượng được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam, theo điều ước quốc tế mà CHXHCNVN là thành viên hoặc theo tập quán quốc tế, thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc theo tập quán quốc tế đó.

Ngoài ra, điều luật mới xác định lại cho rõ nguyên tắc áp dụng điều ước, tập quán quốc tế trong xử lý hình sự và biện pháp xử lý bằng con đường ngoại giao

đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước ta. Nếu điều BLHS năm 1999 quy định tất cả các trường hợp thuộc khoản 2 Điều 5 đều xử lý theo một hướng là: ***“trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết bằng con đường ngoại giao”***, thì điều luật mới xác định rõ hơn là xử lý theo hai hướng: Một là, ***vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế hoặc tập quán quốc tế mà Việt Nam là thành viên***; hai là, trong trường hợp điều ước không quy định, không có tập quán quốc tế thì mới giải quyết bằng con đường ngoại giao.

2. Về Hiệu lực của BLHS đối với hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam (Điều 6)

Khoản 1 và khoản 2 của Điều 6 BLHS năm 2015 quy định điều chỉnh đối với pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. Đây là bổ sung phù hợp với chủ thể mới phạm tội do BLHS mới điều chỉnh. Khoản 1 điều luật mới thay đổi cụm từ **“phạm tội”** của điều BLHS năm 1999 thành cụm từ **“có hành vi phạm tội”** và thêm vào đoạn **“mà Bộ luật này quy định là tội phạm”** là xác định rõ phạm vi điều chỉnh của BLHS đối với hành vi phạm một tội ở ngoài lãnh thổ mà BLHS Việt Nam quy định; còn hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ, do cá nhân, pháp nhân thương mại của nước ta gây ra... ***nhưng không phạm vào một tội được BLHS nước ta quy định (có thể theo pháp luật nước ngoài là tội phạm)*** thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của BLHS Việt Nam.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 có một số điểm mới như:

- Thêm hiệu lực áp dụng BLHS đối với pháp nhân thương mại Việt Nam có hành vi phạm tội ngoài lãnh thổ nước CHXHCNVN.
- Thêm hiệu lực áp dụng BLHS năm 2015 đối với pháp nhân thương mại nước ngoài phạm tội ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, đồng thời bổ sung những trường hợp có thể bị xử lý hình sự.
- Bổ sung quy định áp dụng đối với tàu bay, tàu biển không mang quốc tịch Việt Nam ở ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Khoản 2 Điều 6 BLHS năm 2015 xác định lại hiệu lực của BLHS đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước ta. Khoản 2 điều BLHS năm 1999 quy định người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ nước ta có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu thuộc trường hợp các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định; khoản 2 điều luật mới xác định rõ người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự **“theo bộ luật này”** trong hai trường hợp: Một là, ***“hành vi phạm tội xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam hoặc xâm hại lợi ích của nước Cộng hòa xã hội***

chủ nghĩa Việt Nam”; hai là, “*theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*”. Điều này có nghĩa là, theo quy định mới, kể cả trường hợp không thuộc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhưng hành vi phạm tội nước ngoài xâm hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, của nhà nước ta thì cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Về Hiệu lực của BLHS về thời gian (Điều 7)

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 Điều luật bổ sung nội dung “loại trừ trách nhiệm hình sự” vào việc xác định hiệu lực của BLHS về mặt thời gian. Loại trừ trách nhiệm hình sự là quy phạm mới được xây dựng thành một chương mới (chương IV) của BLHS năm 2015. Về bản chất, đây chỉ là sự thay đổi cho rõ hơn và khoa học hơn. Nếu như trước đây BLHS cũ cơ cấu các quy định như: Sự kiện bất ngờ, phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự vào chương “Tội phạm” thì BLHS mới tách các quy định này ra thành chương riêng là “Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự” và bổ sung thêm 02 trường hợp thuộc diện loại trừ trách nhiệm hình sự mới.

Ngoài ra, khoản 3 của điều luật mới còn bổ sung trường hợp “*tha tù trước thời hạn có điều kiện*” vào trường hợp được áp dụng trước khi điều luật có hiệu lực thi hành (áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo). Quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện cũng là quy định mới của BLHS 2015.

Nội dung quy định của Bộ luật mới về vấn đề hiệu lực của BLHS về thời gian không có thay đổi lớn về bản chất. Tuy nhiên, một số điều luật của BLHS mới lại có hiệu lực trước thời điểm Bộ luật này có hiệu lực.

PHẦN III
QUY ĐỊNH VỀ TỘI PHẠM CỦA
BLHS NĂM 2015, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017

Tổng số điều luật của phần này so với BLHS năm 1999 giảm 03 điều luật (19 điều so với 22 điều); năm 2017 sửa đổi, bổ sung 03 điều luật (*gồm Điều 9, Điều 14 và Điều 19*) của BLHS năm 2015. Trong đó, đã chuyển sang chương khác 04 điều luật và bổ sung 01 điều luật mới. Những nội dung được sửa đổi cơ bản không làm thay đổi bản chất vấn đề, không ảnh hưởng nhiều đến nội hàm điều chỉnh của quy phạm pháp luật hình sự liên quan đến phần này, trong đó có một số nội dung giữ nguyên như điều BLHS năm 1999 là: Cố ý phạm tội, Vô ý phạm tội.

1. Khái niệm, phân loại tội phạm (Điều 8)

1.1. Khái niệm

*“1. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự **hoặc pháp nhân thương mại** thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, **xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân**, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.*

2. Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác”.

Quy định về khái niệm tội phạm tại Điều 8 của BLHS năm 1999 có 4 khoản. BLHS năm 2015 tách nội dung quy định của điều BLHS năm 1999 thành 02 điều luật. Trong đó, quy định về khái niệm tội phạm tại Điều 8 của luật mới gồm 02 khoản (khoản 1 và khoản 4) và bổ sung Điều 9 có 04 khoản với nội dung tương tự 02 khoản còn lại của điều BLHS năm 1999 (khoản 2 và khoản 3).

Khoản 1 của Điều 8 BLHS 2015 thay cụm từ *“xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do tài sản, các quyền lợi ích hợp pháp khác của công dân”* bằng cụm từ *“**xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân**”*. Sự thay đổi này không làm thay đổi nội hàm điều chỉnh của quy phạm pháp luật này mà chỉ gom các quyền cụ thể về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm... vào “quyền con người” cho phù hợp với thay đổi ở phần những điều khoản cơ bản của BLHS mới.

1.2. Phân loại tội phạm (Điều 9)

1. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:

- Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

- Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm **tù** đến 07 năm tù;

- Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm **tù** đến 15 năm tù;

- Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm **tù** đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này.”.

BLHS 2015 bổ sung Điều 9 quy định về phân loại tội phạm và định nghĩa từng loại tội phạm. Về bản chất và nội hàm thì không có thay đổi gì so với khoản 2, khoản 3 của Điều 8 Bộ BLHS năm 1999. Riêng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, nếu BLHS cũ quy định tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm... có mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến 3 năm tù, thì điều luật mới bổ sung **“có mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm”**. Đây là nội dung bổ sung nhằm khắc phục tồn tại của điều BLHS năm 1999, bởi lẽ trong BLHS cũ, có nhiều tội, mức cao nhất của khung hình phạt chỉ là phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ, và nếu như theo quy định cũ thì không xác định được người phạm tội đó thuộc loại tội phạm gì.

Những sửa đổi, bổ sung năm 2017 tập trung vào nội dung chính là phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại phạm tội (**ở khoản 2 Điều 9 – khoản mới bổ sung**). Ngoài ra, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 còn sửa số thứ tự của 4 khoản trong Điều 9 của BLHS 2015 thành 4 khoản theo thứ tự chữ cái a, b, c, d và các từ **“tù”** được bổ sung và sau các từ **“3 năm, 7 năm, 15 năm”** ở các

khoản b, c, d (2, 3, 4) để đảm bảo điều luật được rõ nghĩa và được áp dụng thống nhất.

2. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự (Điều 12)

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

- Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều sau đây: Điều 143 (tội cưỡng dâm); Điều 150 (tội mua bán người); Điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi); Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản); Điều 171 (tội cướp giết tài sản); Điều 173 (tội trộm cắp tài sản); Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản); Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy); Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép); Điều 266 (tội đua xe trái phép); Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật); Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác); Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản); Điều 299 (tội khủng bố); Điều 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự).

Khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

“2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật này.”

Khoản 1 của điều luật mới không thay đổi về nội dung, chỉ bổ sung thêm cụm từ “*trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác*” cho phù hợp với

quy định của BLHS mới. Bởi vì, trong quy định của BLHS mới, có một số loại tội không truy cứu trách nhiệm hình sự của cá nhân.

Khoản 2 của Điều 12 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có nhiều nội dung thay đổi, những thay đổi này tác động trực tiếp đến nhiệm vụ của những người tiên hành tố tụng và công tác trong lĩnh vực liên quan đến pháp luật hình sự. Theo đó, BLHS năm 1999 xác định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm, rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. BLHS năm 2015 quy định khác hơn, không phân biệt rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng, không phân biệt cố ý hay vô ý mà chỉ cần người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm vào các tội “*giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Việc sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã điều chỉnh những nội dung mới trong quy định này ở BLHS năm 2015, đó là xác định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng tại các điều luật cụ thể sau:

- + Điều 123: Tội giết người;
- + Điều 134: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác;
- + Điều 141: Tội hiếp dâm;
- + Điều 142: Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi;
- + Điều 143: Tội cưỡng dâm;
- + Điều 144: Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
- + Điều 150: Tội mua bán người;
- + Điều 151: Tội mua bán người dưới 16 tuổi;
- + Điều 168: Tội cướp tài sản;
- + Điều 169: Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản;
- + Điều 207: Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả;
- + Điều 299: Tội khủng bố;
- + Điều 300: Tội tài trợ khủng bố;
- + Điều 301: Tội bắt cóc con tin;

+ Điều 302: *Tội cướp biển;*

+ Điều 303: *Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia;*

+ Điều 324: *Tội rửa tiền.*

Sự thay đổi này khác BLHS cũ (*BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung 2009*) ở chỗ, quy định cũ xác định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xác định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng (***bỏ nội dung kèm theo do cố ý***) và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng trong **17 tội danh** đã liệt kê. Thực ra, về mặt lý luận cấu thành tội phạm của **17 tội danh** trên thì lỗi trong mỗi tội danh là lỗi cố ý, không có tội danh nào thuộc diện lỗi vô ý cả. Do vậy, nói rõ hơn là, BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã thu hẹp diện chịu trách nhiệm hình sự của người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu trước đây là phải chịu trách nhiệm hình sự về tất cả các loại tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì nay chỉ chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng của 17 tội danh liên quan.

So với BLHS năm 2015, thì việc sửa đổi, bổ sung năm 2017 có những thay đổi mang tính căn bản như sau:

- BLHS năm 2015 quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội "***tội giết người, tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tội hiếp dâm, tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi, tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, tội cướp tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản***"- ***không phân biệt loại tội phạm gì (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng cũng phải chịu trách nhiệm hình sự)***. Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã xác định lại, đối với các tội danh trên, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng (***bỏ việc truy cứu trách nhiệm hình sự người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong trường hợp họ phạm các tội trên ở mức độ tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng***).

- BLHS năm 2015 quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng của 29 tội danh trong khoản 2 của Điều 12, thì việc sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã điều chỉnh lại còn 17 tội danh trong đó:

+ Giữ nguyên **12** tội danh tại các điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 299, 303 (***nội dung các tội danh đã liệt kê ở phần trên***);

+ Bãi bỏ **16** tội danh tại điểm b, c, d, đ và tội “*Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự*” thuộc điểm e của khoản 2 Điều 12 BLHS 2015, gồm: “b) Điều 170 (tội cưỡng đoạt tài sản); Điều 171 (tội cướp giết tài sản); Điều 173 (tội trộm cắp tài sản); Điều 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản);

c) Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); Điều 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); Điều 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy);

d) Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép); Điều 266 (tội đua xe trái phép);

đ) Điều 285 (tội sản xuất, mua bán, công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật); Điều 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); Điều 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác); Điều 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản);

e).....Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự)”

+ Bổ sung mới **05** tội danh tại các điều 207, 300, 301, 302, 324 (nội dung điều luật đã liệt kê ở trên).

3. Phạm tội do dùng rượu bia, hoặc chất kích thích mạnh khác (Điều 13”

Người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều luật mới chỉ thay đổi từ “say” của điều BLHS năm 1999 thành đoạn “mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” để xác định mức độ ảnh hưởng đến nhận thức, khả năng điều khiển hành vi của một người sử dụng bia, rượu hoặc chất kích thích mạnh khác. Việc thay đổi này không làm thay đổi nội dung, phạm vi điều chỉnh của quy định xử lý trách nhiệm hình sự đối với người sử dụng bia, rượu hoặc chất kích thích khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

4. Chuẩn bị phạm tội (Điều 14)

- Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội

phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109, điểm a khoản 2 Điều 113 hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 của Bộ luật này.

- Người chuẩn bị phạm tội *quy định tại một trong các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.*

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại *Điều 123, Điều 168 của Bộ luật này thì phải chịu trách nhiệm hình sự.*”.

Khoản 1 của điều luật mới bổ sung thêm một hình thức chuẩn bị phạm tội là **“thành lập, tham gia nhóm tội phạm”**, nhưng trừ trường hợp phạm tội hoạt động lật đổ chính quyền nhân dân (Điều 109) hoặc thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố theo điểm a khoản 2 các Điều 113 và 299.

So với BLHS cũ (BLHS 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì khoản 2 điều 14 của BLHS 2015 liệt kê **21** tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Khác với bộ BLHS năm 1999, trong **21** tội danh được liệt kê này, ở mỗi điều luật đều quy định về xử lý trách nhiệm hình sự, khung hình phạt đối với người chuẩn bị phạm tội. Ngoài ra, điều luật mới còn bổ sung quy định tại khoản 3 đối với người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội về các tội Giết người (Điều 123), Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134), Tội cướp tài sản (Điều 168), Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169) thì **mới phải** chịu trách nhiệm hình sự. Còn đối với các tội khác, chuẩn bị phạm tội có khung hình phạt đến 5 năm tù, không phải loại tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng nên người từ đủ 14 đến dưới 16 không bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi phạm tội.

Nhưng so với BLHS năm 2015, BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2017 có những thay đổi sau:

- Bổ sung thêm 04 tội danh mà người chuẩn bị phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, gồm:

+ Điều 109: Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân;

+ Điều 115: Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế – xã hội;

+ Điều 116: Tội phá hoại chính sách đoàn kết;

+ Điều 207: Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả.

Như vậy, tổng số tội danh mà người chuẩn bị phạm tội (*từ đủ 16 tuổi trở lên*) phải chịu trách nhiệm hình sự là **25**;

- Khoản 3 Điều 14 của BLHS 2015 được sửa lại, **giảm từ 04 tội danh** quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 14 BLHS 2015 xuống còn **02 tội danh** mà người

từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự là: Tội giết người (**Điều 123**) và Tội cướp tài sản (**Điều 168**).

5. Đồng phạm (Điều 17)

- Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

- Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

- Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm. Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

- Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành”.

Ngoài các quy định đã được BLHS năm 1999 đề cập, bổ sung quy định sau: *“Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành”*.

Điều luật mới chuyển khoản 3 của điều BLHS năm 1999 lên khoản 2 cho phù hợp với nội dung điển đạt, không có thay đổi về ý nghĩa, nội dung điều luật. Ngoài ra, điều luật mới bổ sung quy định về mức độ chịu trách nhiệm của các đồng phạm trong trường hợp một hoặc nhiều người thực hành có hành vi vượt quá. Việc bổ sung này là phù hợp với yêu cầu của thực tiễn khởi tố, truy tố, xét xử những trường hợp có nhiều người cùng chủ ý thực hiện hành vi phạm tội nhưng có người thực hiện vượt quá hành vi so với thỏa thuận ban đầu, gây ra hậu quả ngoài ý muốn của những người còn lại.

6. Che giấu tội phạm (Điều 18)

- Người nào không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật này quy định.

- Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật này.

Điều luật mới bổ sung khoản 2 và đây là nội dung lần đầu BLHS quy định người có hành vi che dấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS năm 2015. Trước đây, BLHS năm 1999 chỉ quy định nội dung này đối với hành vi không tố giác tội phạm của cha, mẹ, ông, bà...của người phạm tội.

7. Không tố giác tội phạm (Điều 19)

So với BLHS năm 1999 thì Điều luật mới của BLHS 2015 bổ sung khoản 3 về nội dung không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người bào chữa trong trường hợp người bào chữa biết được hành vi phạm tội khi thực hiện nhiệm vụ bào chữa. Đây là chủ thể mới được BLHS quy định không truy cứu trách nhiệm hình sự cùng với các chủ thể là người thân thích (*ông, bà, cha, mẹ....*) của người phạm tội không tố giác tội phạm.

Những nội dung tại khoản 2 và khoản 3 của Điều 19 của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

- Khoản 2 Điều 19 BLHS năm 2015 quy định ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm đối với *các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 BLHS 2015* (Điều 390 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Khoản 2 Điều 19 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thay cụm từ “các tội xâm phạm an ninh quốc gia” bằng cụm từ “***các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này***” và cụm từ “***hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác***” bằng cụm từ “***hoặc tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng***”. Theo đó, kiểm tra các tội quy định tại Chương XIII thì cũng là các tội xâm phạm an ninh quốc gia, nên đây chỉ là sự thay đổi về hình thức, không có thay đổi về nội dung.

Nhưng Khoản 2 Điều 19 BLHS năm 2015 bị sửa đổi nội dung quan trọng nằm ở sự thay đổi về nội hàm của Điều 389 trong cụm từ “***tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389***” sang cụm từ “***....quy định tại Điều 390***”.

Thay đổi chính của khoản 2 Điều 19 BLHS năm 2017, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là bổ sung thêm các tội quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 vào các tội phạm mà người không tố giác tội phạm phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đồng thời bỏ đi khoản 5 và khoản 6 của các Điều 193, 194, bổ sung thêm các tội phạm quy định tại khoản 4 các Điều 195, 206 vào các tội phạm mà người không tố giác tội phạm phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Khoản 3 Điều 19 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo hướng: Việc chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm của người bào chữa

giống với các đối tượng là “ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội” trong trường hợp khi thực hiện việc bào chữa, người bào chữa biết rõ các tội phạm đó ***do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện.***

So với khoản 3 Điều 19 BLHS năm 2015, thì nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2017 thiết kế lại cách diễn đạt của quy định này cho rõ nghĩa hơn, đồng thời bổ sung việc người bào chữa phải chịu trách nhiệm về tội không tố giác tội phạm kể cả trong trường hợp biết thân chủ của mình ***chuẩn bị phạm tội*** các tội quy định tại Chương XIII hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (***BLHS 2015 chỉ xác định người bào chữa chịu trách nhiệm hình sự khi biết thân chủ “đang thực hiện hoặc đã thực hiện tội phạm”***).

PHẦN IV
QUY ĐỊNH VỀ NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Cơ cấu gồm 07 điều luật (từ Điều 20 đến Điều 26), trong đó gồm 04 điều luật trong phần “Tội phạm” của BLHS cũ là: Sự kiện bất ngờ, Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự, Phòng vệ chính đáng, Tình thế cấp thiết và bổ sung 03 điều luật mới với 03 chế định loại trừ trách nhiệm hình sự mới. Trong 04 điều BLHS năm 1999 chuyển sang thì có 03 điều luật được giữ nguyên nội dung là: Sự kiện bất ngờ, Tình thế cấp thiết và Phòng vệ chính đáng. Cụ thể:

1. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (Điều 21)

“Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự”.

So với BLHS năm 1999, Điều luật mới của BLHS năm 2015 đã bỏ đoạn cuối của khoản 1 và khoản 2 của điều BLHS năm 1999. Cách xây dựng điều luật mới như vậy là phù hợp với đại ý của tên điều luật là “Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự”. Còn đoạn cuối của khoản 1 điều BLHS năm 1999 là quy định về giải pháp xử lý đối với người phạm tội nhưng bị bệnh tâm thần, không có năng lực trách nhiệm hình sự; tương tự khoản 2 của điều BLHS năm 1999 quy định về trường hợp bị mất năng lực trách nhiệm hình sự sau khi phạm tội. Việc thay đổi này không làm thay đổi nội dung chính của điều luật mới so với điều BLHS năm 1999 là: Xác định như thế nào là tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

2. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội (Điều 24)

Khoản 1 của điều luật mới quy định về hậu quả pháp lý đối với hành vi vi bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác phải sử dụng vũ lực cần thiết để gây thiệt hại cho người bị bắt. Chế định này bảo vệ quyền lợi của công dân hoặc cá nhân khác trong phòng ngừa, đấu tranh và chống tội phạm, nhất là quyền lợi của những người thi hành công vụ, trực tiếp trấn áp tội phạm hoặc bắt người phạm tội quả tang, bắt người theo lệnh truy nã. Theo đó, dù có gây thiệt hại cho người bị bắt giữ nhưng hành vi này không phải là tội phạm.

Ngược lại, khoản 2 của điều BLHS năm 1999 xác định mức độ cần thiết khi sử dụng vũ lực gây thiệt hại cho người bị bắt, nếu vượt quá mức độ cần thiết thì người gây thiệt hại tuy là vì mục đích chung, không chú ý cá nhân nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

3. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ (Điều 25)

Điều luật mới xác định nếu trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ gây ra thiệt hại, rủi ro (*dù đã làm đúng quy trình, quy phạm, áp dụng đầy đủ biện pháp phòng ngừa*) thì không phải là tội phạm. Quy định mới này hỗ trợ quan trọng cho những người làm nghiên cứu khoa học trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự tiến bộ vượt bậc của khoa học, kỹ thuật hiện nay.

Hậu quả gây ra trong nghiên cứu khoa học...do không làm đúng quy trình, quy phạm, không phòng ngừa hoặc phòng ngừa không đầy đủ thì người gây ra hậu quả phải chịu trách nhiệm hình sự. Trường hợp này, trước đây chúng ta thường gọi là vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc vô ý gây thiệt hại...khi giải quyết vụ việc liên quan.

4. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (Điều 26)

Điều luật mới này xác định người gây ra thiệt hại trong khi thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên (*trong lực lượng vũ trang nhân dân*) để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, khi đã thực hiện đầy đủ quy trình báo cáo nhưng vẫn buộc phải thực hiện thì không phải chịu trách nhiệm hình sự, còn người ra mệnh lệnh phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc đó. Quy định mới này không áp dụng đối với người phạm vào khoản 2 của các tội: Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh (Điều 421); Tội chống loài người (Điều 422); Tội phạm chiến tranh (Điều 423).

PHẦN V
QUY ĐỊNH VỀ THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ,
MIỀN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, CỦA BLHS NĂM 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017

Phần này so với BLHS cũ không có thay đổi nhiều và *không có sửa đổi, bổ sung trong năm 2017*, tập trung nhiều nhất vào việc sửa đổi các câu, từ cho phù hợp với thuật ngữ pháp lý. Trong 03 điều luật của phần này thì điều luật về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự có thay đổi nhiều về nội dung, đây là vấn đề mà những người làm công tác liên quan đến hoạt động tố tụng cần chú ý. Cụ thể:

1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 27)

So với BLHS năm 1999, Khoản 1 và khoản 2 của điều luật được giữ nguyên về nội dung, về từ ngữ, điều luật mới đã bỏ từ “các” ở trước từng loại tội: Ít nghiêm trọng, Nghiêm trọng... để ngữ nghĩa pháp lý rõ ràng, không tạo ra sự suy luận nhiều chiều. Bằng sự thay đổi một số từ, cụm từ của khoản 3 khiến điều luật mới có sự điều chỉnh nhỏ về mặt nội dung so với điều BLHS năm 1999. Đó là:

- Điều luật mới thay cụm từ “*lại phạm tội mới*” thành cụm từ “*lại thực hiện hành vi phạm tội mới*”. Sự thay đổi này làm chuyển biến trong nhận thức lại quy định của điều luật. Bởi khi nói về phạm tội mới là phải nhận thức rằng hành vi phạm tội đã cấu thành tội phạm với đầy đủ 4 yếu tố chính, và chỉ như vậy mới được tính lại thời hiệu đối với tội cũ.

Khác với quy định cũ, điều luật mới quy định “*lại thực hiện hành vi phạm tội mới*” là xác định rõ thời hiệu truy cứu đối với tội cũ sẽ được tính lại ngay khi chủ thể đó thực hiện hành vi phạm tội mới mà không cần đợi đến khi hành vi phạm tội mới của chủ thể đó đủ yếu tố cấu thành tội phạm mới.

- Điều luật mới quy định trường hợp người phạm tội trốn tránh và đã có quyết định (điều BLHS năm 1999 là: Lệnh) truy nã thì thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra *đầu thú*, thay vì “*kể từ ngày người đó ra tự thú*” như điều BLHS năm 1999. Sự thay đổi này cho sát với ngữ nghĩa của thuật ngữ pháp lý. Bởi vì “*tự thú*” được hiểu là chưa ai biết, chưa ai phát hiện người phạm tội, còn đầu thú thì hành vi phạm tội, người phạm tội đã bị phát hiện (*truy nã*), nhưng người phạm tội bỏ trốn, sau đó tự nguyện ra trình diện cơ quan thẩm quyền.

2. Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 28)

So với BLHS năm 1999, kết cấu của điều luật mới có thay đổi. Nội dung của điều luật mới có bổ sung một khoản quy định 02 tội riêng biệt không áp dụng thời hiệu. Theo đó, điều luật mới giữ quy định cũ về không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia (BLHS cũ quy

định tại Chương XI, BLHS 2015 quy định tại Chương XIII), các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (BLHS cũ quy định tại Chương XXIV, BLHS 2015 quy định tại Chương XXVI). Đáng lưu ý là BLHS bổ sung 02 trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự mới đó là: Trường hợp phạm tội Tham ô tài sản theo khoản 3 và khoản 4 Điều 353 BLHS và trường hợp phạm tội Nhận hối lộ theo khoản 3 và khoản 4 Điều 354 BLHS.

3. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự (Điều 29)

So với BLHS năm 1999, Điều luật mới cơ cấu lại, tách bạch các trường hợp đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự, các trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự và bổ sung nhiều trường hợp có thể được xem xét miễn trách nhiệm hình sự. Cụ thể:

- Điều luật mới bổ sung trường hợp *“do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”* là điều kiện được miễn trách nhiệm hình sự;

- Trường hợp *“do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa”*: Điều BLHS năm 1999 quy định người phạm tội đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự thì điều luật mới quy định đây là trường hợp *“có thể được miễn trách nhiệm hình sự”*.

- Điều luật mới bổ sung các trường hợp có thể được xem xét miễn trách nhiệm hình sự là: *Người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa; người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có công hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.*

PHẦN VI
QUY ĐỊNH VỀ HÌNH PHẠT TRONG BLHS 2015,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017

Trong phần này, BLHS 2015 có sửa đổi một số nội dung liên quan đến các quy định về hình phạt chính, các phần còn lại như khái niệm hình phạt, mục đích hình phạt, tên từng loại hình phạt tuy có thay đổi về câu chữ để đảm bảo tính chuẩn xác về thuật ngữ pháp lý nhưng không thay đổi nội hàm, phạm vi áp dụng của điều luật (*những nội dung này người viết chỉ so sánh mà không thể hiện quan điểm nhận diện sự thay đổi*). Theo đó, BLHS mới bổ sung quy định chung về hình phạt đối với pháp nhân, sửa đổi một số quy định liên quan đến từng loại hình phạt theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, quy định rõ trách nhiệm của người chấp hành hình phạt, gia đình, cộng đồng, chính quyền đối với hình phạt cải tạo không giam giữ và bó hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình. *Các quy định trong phần này không bị sửa đổi, bổ sung trong năm 2017.*

I. Quy định về hình phạt chính:

1. Khái niệm hình phạt (Điều 30)

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

Như vậy so với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung khái niệm hình phạt đối với pháp nhân thương mại. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong BLHS năm 2015, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.

2. Mục đích của hình phạt (Điều 31)

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung thêm mục đích của hình phạt đối với pháp nhân thương mại.

Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

3. Các hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 33)

Đây là quy định mới trong BLHS năm 2015, cụ thể:

- Hình phạt chính bao gồm:
 - + Phạt tiền;
 - + Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - + Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.
- Hình phạt bổ sung bao gồm:
 - + Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định;
 - + Cấm huy động vốn;
 - + Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.
- Đối với mỗi tội phạm, pháp nhân thương mại phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

4. Phạt tiền (Điều 35)

Điều luật mới mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Nếu ở điều BLHS năm 1999, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tiền đối với loại tội phạm ít nghiêm trọng chủ yếu trong lĩnh vực *xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính*. Thì điều luật mới của BLHS năm 2015 quy định được áp dụng hình phạt tiền với tất cả các loại tội ở mức độ người phạm tội ít nghiêm trọng, người phạm tội nghiêm trọng do BLHS quy định và người phạm tội rất nghiêm trọng do xâm phạm *trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định*.

Theo đó, nếu trước đây, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tiền trong trường hợp người phạm tội bị xét xử ở khung hình phạt cao nhất là 3 năm tù, thì theo BLHS mới, Tòa án có quyền áp dụng hình phạt tiền cả trong trường hợp người phạm tội bị xét xử về tội do BLHS quy định với khung hình phạt cao nhất là từ 3 đến dưới 15 năm tù.

Ngoài ra, điều luật mới còn quy định bổ sung việc áp dụng hình phạt tiền đối với pháp nhân phạm tội và bỏ nội dung quy định về cách thức nộp tiền phạt tại khoản 4 của điều BLHS năm 1999.

5. Cải tạo không giam giữ (Điều 36)

Khoản 2 của Điều luật mới sửa đổi cụm từ “*chính quyền địa phương nơi người đó thường trú*” thành cụm từ “*Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú*” nhằm xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong

công tác thi hành án hình sự đối với loại hình phạt Cải tạo không giam giữ. Bởi trên thực tế trước đây, chỉ quy định chính quyền thì không rõ trách nhiệm của cơ quan nào. Hơn nữa, trường hợp người phải chấp hành án có hộ khẩu thường trú một nơi nhưng tạm trú, cư trú nơi khác đã dẫn đến không có tổ chức, cá nhân nào quản lý người này, làm mất giá trị áp dụng vào thực tế của loại hình phạt này.

Khoản 3 của điều luật mới bổ sung quy định về thời gian và phương pháp để tính khấu trừ thu nhập. Trước đây, ở điều BLHS năm 1999 quy định khấu trừ thu nhập đối với người bị xử phạt cải tạo không giam giữ nhưng lại không quy định khấu trừ từ thời điểm nào, trong bao lâu và khấu trừ như thế nào. Nay điều luật mới quy định cụ thể thời gian khấu trừ thu nhập là “*Trong thời gian chấp hành án*” và phải “*khấu trừ hằng tháng*”. Ngoài ra, khoản 3 điều luật mới còn bổ sung trường hợp không phải khấu trừ thu nhập, đó là “*đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự*”.

Khoản 4 là nội dung mới bổ sung. Đây là quy định biện pháp xử lý tình huống áp dụng khấu trừ thu nhập đối với “*trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt*” để đảm bảo nghĩa vụ của người chấp hành án khi thi hành án và giá trị thực tế của hình phạt cải tạo không giam giữ.

6. Tù có thời hạn (Điều 38)

Ngoài các quy định đã được nêu tại BLHS năm 1999, bổ sung quy định sau: *Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.*

Đây là quy định mới đã tháo gỡ được tính thiếu thống nhất trong áp dụng hình phạt tù và các hình phạt khác nhẹ hơn khi xét xử. Theo quy định này, nếu bị cáo lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng thì Tòa án không được áp dụng hình phạt tù có thời hạn.

7. Chung thân (Điều 39)

“Tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.

Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội”.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 thay cụm từ “người chưa thành niên” thành cụm từ “người dưới 18 tuổi”

Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

8. Tử hình (Điều 40)

Khoản 1 của điều luật mới thể hiện sự bó hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình so với điều BLHS năm 1999. Nếu điều BLHS năm 1999 xác định hình phạt tử hình chỉ áp dụng với trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thì điều luật mới quy định theo hướng “liệt kê mở”, cũng là “trường hợp phạm tội đặc biệt nghiêm trọng” nhưng phải là các tội thuộc *một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật này quy định.*

Khoản 2 điều luật mới bổ sung 01 trường hợp không áp dụng hình phạt tử hình là *người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.* Người làm công tác thi hành pháp luật đặc biệt lưu ý phần này. Ngoài ra, tại khoản này của điều luật mới sửa cụm từ “người chưa thành niên phạm tội” của điều BLHS năm 1999 thành cụm từ “*người dưới 18 tuổi khi phạm tội*” cho phù hợp với các sửa đổi ở phần chung và sát với thực tiễn thi hành pháp luật.

Tương tự, Khoản 3 của điều luật mới bổ sung trường hợp “*người đủ 75 tuổi trở lên*” vào những trường hợp không thi hành án tử hình đối với người bị kết án. Điểm mới quan trọng tại khoản 3 của điều luật mới là quy định liên quan đến các bị cáo phạm tội *tham ô tài sản, tội nhận hối lộ.* Theo đó, Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn thì không thi hành án tử hình. Đây cũng là nội dung cần chú ý kỹ khi áp dụng pháp luật.

Khoản 4 của điều luật mới phân ra hai trường hợp được chuyển từ Tử hình xuống chung thân. Đó là: Trường hợp thuộc khoản 3 Điều 40 BLHS 2015 và trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm theo quy định của Luật thi hành án tử hình và Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

9. Quy định về hình phạt bổ sung (Điều 44)

- Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định, thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:

- + Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước;
- + Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bãi bỏ quyền bầu cử khỏi nhóm quyền công dân bị tước khi vi phạm pháp luật hình sự.

10. Tịch thu tài sản (Điều 45)

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung thêm các trường hợp áp dụng biện pháp tịch thu tài sản.

Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tham nhũng hoặc tội phạm khác do BLHS năm 2015 quy định.

11. Các biện pháp tư pháp (Điều 46)

- BLHS năm 2015 hệ thống lại các biện pháp tư pháp đối với người phạm tội bao gồm:

- + Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
- + Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
- + Bắt buộc chữa bệnh.
- Thêm các biện pháp tư pháp đối với pháp nhân thương mại bao gồm:
 - + Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.
 - + Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.
 - + Khôi phục lại tình trạng ban đầu.
 - + Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

12. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 47)

Điều luật mới bổ sung một biện pháp xử lý tiền, vật liên quan đến tội phạm sau khi tịch thu là “*tịch thu tiêu hủy*”. Việc thay đổi này cho phù hợp với thực tiễn hoạt động tố tụng đã thực hiện trong thời gian qua, việc luật hóa biện pháp tiêu hủy các tài sản không còn giá trị sử dụng, các tài sản gây nguy hại cho con người tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Ngoài ra, điều luật mới còn bổ sung quy định tịch thu “*khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội*” cũng là việc pháp điển hóa thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp trong thời gian qua về việc tịch thu các khoản tiền có được do thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

PHẦN VII
QUY ĐỊNH VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT
CỦA BLHS 2015, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017

Quy định về quyết định hình phạt trong BLHS 2015 không bổ sung điều luật mới nhưng tách 10 điều của BLHS cũ ra thành hai mục có mối liên hệ với nhau. Mục A là những quy định chung về quyết định hình phạt và Mục B là quyết định hình phạt trong trường hợp cụ thể. Đa số các điều luật trong phần này đều có sự bổ sung, sửa đổi về nội dung so với các điều BLHS năm 1999, có 01 điều luật được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cụ thể:

1. Căn cứ quyết định hình phạt (Điều 50)

So với BLHS năm 1999, Điều 50 của BLHS 2015 bổ sung một khoản mới. Quy định bổ sung này tập trung định hướng nhiệm vụ của Hội đồng xét xử khi xem xét quyết định hình phạt tiền đối với các bị cáo (*cá nhân và cả pháp nhân*) để đảm bảo khả năng thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Quy định này khắc phục tình trạng Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào quy định tại BLHS, định mức của khung hình phạt, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội để quyết định hình phạt tiền tuy đúng pháp luật nhưng lại không phù hợp với khả năng thi hành án của bị cáo. Dẫn đến tình trạng người chấp hành án hoàn toàn không có khả năng thi hành án trong thời gian sống còn lại, gây khó khăn cho công tác thi hành án, làm giảm tính hiệu lực của bản án.

Điều luật mới bổ sung khoản 2 nhưng giữ nguyên nội dung của điều BLHS năm 1999 tại khoản 1.

2. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điều 51)

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các điểm s, t, x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như sau:

- “s) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;
- t) Người phạm tội tích cực *hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*;
- x) *Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ*”.

Điều luật mới bổ sung thêm 04 điểm về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, nâng tổng số điểm quy định về giảm nhẹ tại khoản 1 từ 18 điểm lên 22 điểm.

So với quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, những điểm mới trên đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho đảm bảo tính hợp pháp và phù hợp với tình hình thực tế. Đó là:

- Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa lại, *bỏ đi từ “hoặc”* giữa hai nội dung *“thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”*, tức là giữ nguyên như quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 được sửa lại theo hướng: Chỉ xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi người phạm tội tích cực *hợp tác (chứ không phải giúp đỡ - BLHS 2015)* cơ quan có trách nhiệm *trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án* (chứ không chỉ *phát hiện hoặc điều tra tội phạm - BLHS 2015*);

3. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (Điều 52)

Có 14 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Về số lượng, khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tăng lên thêm 01 tình tiết tăng nặng (*15 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*). Tuy nhiên về bản chất không có sự thêm mới tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, ngược lại đã bỏ đi 01 tình tiết tăng nặng của điều BLHS năm 1999 là *“Xâm phạm tài sản của Nhà nước”*. Lý do tăng thêm là bởi điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS cũ *“phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm”* được tách ra thành điểm g *“phạm tội từ 02 lần trở lên”* và điểm h *“Tái phạm, tái phạm nguy hiểm”* thuộc khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015; và điểm h khoản 1 điều BLHS năm 1999 *“Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác”* được tách ra thành điểm i *“Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên”* và điểm k *“Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác”* thuộc khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015i.

Ngoài ra, các điểm g, i, k, m khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có thêm nội dung, thay đổi về từ ngữ và cách thức diễn đạt so với các quy định cũ tương ứng. Cụ thể, ở điều BLHS năm 1999 quy định tình tiết *“phạm tội nhiều lần”* thì điểm g khoản 1 Điều 52 được sửa lại là *“phạm tội từ 02 lần trở lên”*; ở điều luật cũ quy định tình tiết *“Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có*

thai, người già” thì điểm i khoản 1 Điều 52 sửa lại thành “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên”; ở điều BLHS năm 1999 quy định tình tiết phạm tội đối với “người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác” thì ở điểm k khoản 1 Điều 52 được thêm vào 01 trường hợp và sửa lại là “Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác”.

4. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm (Điều 53)

Những thay đổi của Điều 53 BLHS năm 2015 so với Điều 49 của BLHS năm 1999 không làm thay đổi bản chất nội dung cần điều chỉnh của quy định về tái phạm, tái phạm nguy hiểm, chủ yếu nhằm tập trung làm rõ và giải quyết các vướng mắc về quan điểm lý luận và thực tiễn áp dụng quy định này vào công tác tố tụng. Trong đó:

Giải thích về tái phạm, ở khoản 1 Điều 49 BLHS cũ xác định tái phạm là do một người đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội mới (*phạm tội do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, đặt biệt nghiêm trọng do vô ý*). Ở khoản 1 Điều 53 BLHS năm 2015 giải thích về tái phạm với nội hàm rõ nghĩa và cụ thể hơn. Theo đó, điều luật mới xác định tái phạm là đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại *thực hiện hành vi* phạm tội (do cố ý hoặc phạm tội rất nghiêm trọng, đặt biệt nghiêm trọng do vô ý).

BLHS năm 2015 làm rõ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự sau:

+ Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai, người đủ 70 tuổi trở lên (trước đây, quy định phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai và người già).

+ Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác.

5. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng (Điều 54)

So với quy định tại Điều 47 BLHS năm 1999 thì Điều 54 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có những điểm mới như sau:

Thứ nhất, về kết cấu điều luật, Điều 54 của BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 chia làm 03 khoản (điều BLHS năm 1999 không chia khoản) với ba quy định có tính pháp lý vừa mang yếu tố liên quan vừa mang yếu tố riêng biệt.

Thứ hai, điều luật mới không thay đổi nguyên tắc “Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải

trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật với điều kiện là khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ...”. Nhưng đã bổ sung một quy phạm mở cho Tòa án ở khoản 2 là “Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể”. Quy định bổ sung này đã đáp ứng được yêu cầu quyết định hình phạt trong vụ án có đồng phạm, đảm bảo được tính khách quan và công bằng khi cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo trong một vụ án.

6. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 55)

Khi xét xử cùng **01** lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:

- Đối với hình phạt chính:

+ Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt quá **03** năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, **30** năm đối với hình phạt tù có thời hạn;

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ **03** ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành **01** ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

+ Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;

+ Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;

+ Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

+ Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác;

- Đối với hình phạt bổ sung:

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

So với quy định cũ, Điều 55 BLHS 2015 không thay đổi về mặt nội dung và không bị sửa đổi, bổ sung vào năm 2017.

7. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 56)

So với quy định cũ, Điều 56 BLHS 2015 không thay đổi nhiều, chỉ chỉnh sửa lại cho phù hợp với yêu cầu thay đổi chung về kết cấu của BLHS về thứ tự các điều luật. Ở khoản 2 của Điều 56, nội dung sửa đổi mang tính lý luận nhằm giải quyết vướng mắc trên thực tế nghiên cứu và áp dụng điều luật vào thực tiễn.

8. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 57)

So với quy định của BLHS năm 1999 thì Điều 57 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hai nội dung thay đổi như sau:

- Điều luật mới quy định nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội là không áp dụng chung như khoản 2 Điều 52 cũ mà liên kết cụ thể đến từng điều luật, tương ứng với một tội phạm mà người thực hiện hành vi phạm tội bị xét xử. Theo đó, cơ cấu của các điều luật về một số tội danh tại BLHS năm 2015 có quy định rõ mức hình phạt áp dụng trong trường hợp chuẩn bị phạm tội.

- Điều luật mới thay đổi nguyên tắc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt. Trước hết là không áp dụng hình phạt chung thân, tử hình đối với trường hợp phạm tội chưa đạt (*quy định cũ cho phép áp dụng hình phạt chung thân, tử hình trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng*). Bên cạnh đó, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là chung thân, tử hình thì quyết định hình phạt tù là *không quá 20 năm*. Đây là nội dung thay đổi có lợi cho người phạm tội.

9. Miễn hình phạt (Điều 59)

So với điều BLHS năm 1999 thì quy định về miễn hình phạt ở Điều 59 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được quy định rõ ràng hơn về điều kiện áp dụng. Trong đó, điều luật mới quy định điều kiện miễn hình phạt cho người phạm tội có sự liên kết kéo theo giữa hai điều kiện cần và đủ là “*nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này*” mà “*đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự*”.

Nếu như theo quy định cũ, vì hai điều kiện để quyết định miễn hình phạt được đặt cách nhau bởi dấu “*phải*” nên trong thực tế phát sinh hai cách làm khác nhau; nội dung thay đổi mới tại Điều 59 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã xác định rõ sự ràng buộc của hai điều kiện cần và đủ, một là phải thỏa mãn điều kiện “*trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này*” và

phải đảm bảo xét tất cả các mặt liên quan thì thấy bị cáo “đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự”.

Bên cạnh đó, quy định về điều kiện tại Điều 59 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cũng đã thay đổi so với quy định cũ. Đó là: Ở quy định cũ thì “có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này”, còn ở quy định mới thì “**nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật này**”. Điều kiện này ở quy định cũ đơn giản hơn, bởi Điều 54 BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 chỉ đặt ra yêu cầu là bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46. Trong khi đó, đối chiếu với khoản 1 và khoản 2 Điều 54 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2016 thì thấy điều kiện được quy định khắc khe hơn, gồm: Trường hợp tại khoản 1 Điều 54 chính là các yếu tố cần phải có của toàn bộ quy định tại Điều 54 BLHS cũ; trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 54 là yêu cầu về vai trò, tính chất của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, cụ thể là “*đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể*”.

Tóm lại, theo quy định tại Điều 59 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo chỉ được xem xét miễn hình phạt khi có đủ 03 điều kiện:

- **Điều kiện thứ nhất:** Được áp dụng từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên thuộc khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- **Điều kiện thứ hai:** Bị cáo phạm tội được xác định là phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể;
- **Điều kiện thứ ba là:** Xét thấy trường hợp này đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.

Trong đó điều kiện thứ hai là *nội dung chính* được thay đổi so với điều BLHS năm 1999.

PHẦN VIII
THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN, MIỄN CHẤP
HÀNH HÌNH PHẠT, GIẢM THỜI HẠN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT

1. Thời hiệu thi hành bản án (Điều 60, 61)

BLHS năm 2015 quy định thời hiệu thi hành bản án là thời hạn mà khi hết thời hạn đó, người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên. Quy định của BLHS năm 2015 đã có những điểm mới so với quy định của BLHS năm 1999 về thời hiệu thi hành bản án.

Nếu như theo quy định tại BLHS năm 1999 thì pháp nhân thương mại không phải chịu trách nhiệm hình sự, thì BLHS năm 2015 đã dần quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại. Do đó, BLHS năm 2015 về thời hiệu thi hành bản án hình sự bổ sung thêm quy định về thời hiệu thi hành bản án đối với pháp nhân thương mại. Theo đó, *“Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân thương mại là 05 năm”*.

BLHS năm 2015 bổ sung thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án ngoài các quy định đã đề cập tại BLHS năm 1999: *“20 năm đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình”*.

Đối với vấn đề không áp dụng thời hiệu thi hành bản án, thì BLHS năm 2015 quy định không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Thay vì các tội xâm phạm an ninh quốc gia và tội xâm phạm sở hữu như quy định của BLHS năm 1999. Các tội phạm về chức vụ quy định tại khoản 3,4 Điều 353 và khoản 3,4 Điều 354 BLHS năm 2015.

2. Miễn chấp hành hình phạt (Điều 62)

Phân định việc miễn chấp hành hình phạt đối với người bị kết án tù có thời hạn đến 03 năm và trên 03 năm:

- Người bị kết án cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đến 03 năm chưa chấp hành hình phạt thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Sau khi bị kết án đã lập công.
- + Mắc bệnh hiểm nghèo.
- + Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

- Người bị kết án phạt tù có thời hạn trên 03 năm, chưa chấp hành hình phạt nếu đã lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

Bổ sung trường hợp được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại:

- Người bị kết án phạt tù đến 03 năm, đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà đã lập công hoặc chấp hành tốt pháp luật, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Bổ sung quy định về nghĩa vụ dân sự trong trường hợp được miễn chấp hành hình phạt:

- Người được miễn chấp hành hình phạt theo quy định này vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dân sự do Tòa án tuyên trong bản án.

3. Giảm mức hình phạt đã tuyên (Điều 63)

- So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 sửa đổi quy định như sau:

+ Người bị kết án cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn hoặc phạt tù chung thân, nếu đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định, có nhiều tiến bộ và đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự, thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

+ Thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 1/3 thời hạn đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, hình phạt tù có thời hạn, 12 năm đối với tù chung thân.

- Bổ sung quy định đối với trường hợp người bị kết án về nhiều tội trong đó có tội bị kết án phạt tù chung thân: Trường hợp người bị kết án về nhiều tội trong đó có tội bị kết án phạt tù chung thân thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu xuống 30 năm tù sau khi đã chấp hành được 15 năm tù và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời gian thực tế chấp hành là 25 năm.

- Bổ sung quy định đối với người đã được giảm một phần hình phạt nhưng lại phạm tội mới ít nghiêm trọng: Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới ít nghiêm trọng do cố ý, thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được 1/2 mức hình phạt chung.

- Quy định lại việc áp dụng giảm một phần hình phạt mà phạm tội mới nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng: Đối với người đã được giảm một phần hình phạt mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới nghiêm trọng, rất

ng nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì Tòa án chỉ xét giảm lần đầu sau khi người đó đã chấp hành được 2/3 mức hình phạt chung hoặc trường hợp hình phạt chung là tù chung thân thì việc xét giảm án thực hiện theo quy định đối với trường hợp người bị kết án về nhiều tội trong đó có tội bị kết án phạt tù chung thân đã nêu trên.

- Bổ sung quy định giảm mức hình phạt đối với người bị kết án tử hình:

+ Đối với người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc người bị kết án tử hình thuộc trường hợp sau thì thời gian đã chấp hành hình phạt để được xét giảm lần đầu là 25 năm và dù được giảm nhiều lần nhưng vẫn phải bảo đảm thời hạn thực tế chấp hành hình phạt là 30 năm:

+ Người đủ 75 tuổi trở lên.

+ Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất 3/4 tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

4. Án treo (Điều 65)

Theo quy định, ngoài việc được hưởng án treo, người phạm tội còn phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự:

Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Bao hàm hết các hình phạt bổ sung thay vì kê tên như quy định trước đây: Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này.

- Bổ sung quy định trong trường hợp trong thời gian thử thách vi phạm nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự: Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

5. Tha tù trước thời hạn có điều kiện (Điều 66)

Đây là quy định mới được đề cập tại BLHS năm 2015.

- Người đang chấp hành án phạt tù có thể được tha tù trước thời hạn khi có đủ các điều kiện sau:

- + Phạm tội lần đầu;
- + Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;
- + Có nơi cư trú rõ ràng;
- + Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và án phí;
- + Đã chấp hành được ít nhất là một phần hai mức phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất là 15 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn. Trường hợp người phạm tội là người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, người đủ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì phải chấp hành được ít nhất là một phần ba mức phạt tù có thời hạn hoặc ít nhất là 12 năm đối với trường hợp bị phạt tù chung thân nhưng đã được giảm xuống tù có thời hạn;
- + Không thuộc một trong các trường hợp phạm tội quy định tại khoản 2 Điều này.

- Không áp dụng quy định này đối với người bị kết án thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII, Chương XXVI, Điều 299 của Bộ luật này; người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương XIV của Bộ luật này do cố ý hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 248, 251 và 252 của Bộ luật này;

+ Người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật này.

- Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù.

- Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách,

thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất là một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

PHẦN IX

XÓA ÁN TÍCH

1. Xóa án tích (Điều 69)

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 có những điểm mới sau:

- Bãi bỏ quy định cấp Giấy chứng nhận khi được Tòa án xóa án tích.
- Bổ sung quy định sau: “Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích”.
- Bổ trường hợp đương nhiên được xóa án tích đối với người được miễn hình phạt.
- Sửa đổi lại nội dung quy định người bị kết án đương nhiên được xóa án tích. Được quy định cụ thể tại Điều 70 BLHS năm 2015.
- Bổ sung quy định: Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định đương nhiên được xóa án tích.

2. Đương nhiên được xóa án tích (Điều 70)

Điểm mới của BLHS năm 2015 là quy định thời điểm để tính thời hạn xóa án tích sớm hơn so với BLHS năm 1999 theo hướng kể từ khi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án; đồng thời, rút ngắn thời hạn để được xóa án tích theo hướng còn 2 năm (đối với trường hợp bị phạt tù đến 5 năm); 3 năm (đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 5 năm đến 15 năm) và 5 năm (đối với trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án) (khoản 2, 3 Điều 70).

3. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án (Điều 71)

Quy định lại nội dung này như sau: Người bị kết án được Tòa án quyết định việc xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau:

- 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;
- 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;
- 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

- 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với người bị kết án về các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXVI của BLHS. Khác với trường hợp đương nhiên được xóa án tích, Tòa án là cơ quan có thẩm quyền quyết định việc xóa án tích đối với những người đã bị kết án về các tội nêu trên (Điều 71 BLHS 2015). Người bị kết án phải có đơn gửi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án. Nếu xét thấy đủ điều kiện, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định xóa án tích; trường hợp chưa đủ điều kiện thì quyết định bác đơn xin xóa án tích (khoản 2 Điều 369 Bộ luật TTHS).

4. Cách tính thời hạn để xóa án tích (Điều 73)

- Sửa đổi quy định về xóa án tích trong trường hợp chưa được xóa mà phạm tội mới: Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.

- Bổ sung quy định sau: Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định về việc xóa án tích theo quyết định của Tòa án, Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người đó.

PHẦN X
NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN
THƯƠNG MẠI PHẠM TỘI

Đây là quy định hoàn toàn mới trong BLHS năm 2015. BLHS năm 2015 đã bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân và được thể hiện tập trung tại Chương XI của BLHS năm 2015. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội gồm 16 điều (từ Điều 74 đến Điều 89) và trong một số điều khoản khác (các Điều 2, 3, 8, 33, 46). Việc bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân vào BLHS năm 2015 xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn và kết quả rút kinh nghiệm, đánh giá những tồn tại của pháp luật hình sự trong 16 năm qua (từ khi BLHS 1999 có hiệu lực đến nay) nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế trong việc xử lý các vi phạm pháp luật của pháp nhân trong thời gian qua, nhất là những vi phạm trong lĩnh vực kinh tế và môi trường, bảo vệ quyền, lợi ích của cá nhân, tập thể và nhà nước bị thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra.

1. Áp dụng quy định của BLHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 74)

Theo quy định tại Điều 74 BLHS năm 2015, không phải tất cả các pháp nhân vi phạm đều phải chịu trách nhiệm hình sự mà chỉ có pháp nhân thương mại mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

“Pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu TNHS theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của BLHS năm 2015 không trái với quy định của Chương này”.

2. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (Điều 75)

- Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện sau:
 - + Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại.
 - + Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại.
 - + Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại.
 - + Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định đã đề cập trên.
- Việc pháp nhân thương mại chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân.

3. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (Điều 76)

Điều 76 BLHS năm 2015 quy định phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, theo đó pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 33 tội danh được liệt kê tại Điều 76 của BLHS năm. Các tội danh này đều thuộc nhóm tội phạm về kinh tế và nhóm tội phạm về môi trường. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS về các tội phạm sau:

- Tội buôn lậu (Điều 188)
- Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189).
- Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190).
- Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191).
- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả (Điều 192).
- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm (Điều 193).
- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 194).
- Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi (Điều 195).
- Tội đầu cơ (Điều 196).
- Tội trốn thuế (Điều 200).
- Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (Điều 203).
- Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209).
- Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210).
- Tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211).
- Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213).
- Tội trốn đóng BHXH, BHYT, BHTN cho NLĐ (Điều 216).
- Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217).
- Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225).
- Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 226).

- Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 227).
- Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và lâm sản (Điều 232).
- Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234).
- Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235).
- Tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237).
- Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238).
- Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239).
- Tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242).
- Tội huỷ hoại rừng (Điều 243).
- Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244).
- Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245).
- Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246).
- Tội tài trợ khủng bố (Điều 300).
- Tội rửa tiền (Điều 324).

4. Phạt tiền (Điều 77)

- Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung đối với pháp nhân thương mại phạm tội.
- Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50.000.000 đồng.

5. Đình chỉ hoạt động có thời hạn (Điều 78)

- Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế.
- Thời hạn đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 03 năm.

6. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 79)

- Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra.

- Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.

7. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định (Điều 80)

- Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội.

- Tòa án quyết định lĩnh vực cụ thể bị cấm kinh doanh hoặc cấm hoạt động.

- Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

8. Cấm huy động vốn (Điều 81)

- Cấm huy động vốn được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án huy động vốn thì có nguy cơ tiếp tục phạm tội.

- Các hình thức cấm huy động vốn bao gồm:

+ Cấm vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quỹ đầu tư;

+ Cấm phát hành, chào bán chứng khoán;

+ Cấm huy động vốn khách hàng;

+ Cấm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước;

+ Cấm hình thành quỹ tín thác bất động sản.

- Tòa án quyết định áp dụng một hoặc một số hình thức cấm huy động vốn quy định tại khoản 2 Điều này.

- Thời hạn cấm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

9. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 82)

- Tòa án có thể quyết định áp dụng các biện pháp sau đây đối với pháp nhân thương mại phạm tội:

+ Các biện pháp tư pháp sau: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.

+ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

+ Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.

- Tòa án có thể quyết định áp dụng biện pháp tư pháp buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi phạm tội của mình gây ra.

- Căn cứ vào từng trường hợp phạm tội cụ thể, Tòa án có thể quyết định buộc pháp nhân thương mại phạm tội phải thực hiện một hoặc một số biện pháp sau nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả của tội phạm:

+ Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

+ Buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

+ Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước CHXHCNVN hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước CHXHCNVN, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm.

+ Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định pháp luật.

+ Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm.

+ Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường.

10. Căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 83)

Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS năm 2015, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, việc chấp hành pháp luật của pháp nhân thương mại và các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS áp dụng đối với pháp nhân thương mại.

11. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại (Điều 84)

- Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:
 - + Đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;
 - + Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;
 - + Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;
 - + Tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;
 - + Có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội.
- Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.
- Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

12. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại (Điều 85)

- Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng TNHS:
 - + Câu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội.
 - + Cố ý thực hiện tội phạm đến cùng.
 - + Phạm tội 02 lần trở lên.
 - + Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.
 - + Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội.
 - + Dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội hoặc nhằm trốn tránh, che giấu tội phạm.
- Các tình tiết đã được BLHS năm 2015 quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

13. Quyết định hình phạt trong trường hợp pháp nhân thương mại phạm nhiều tội (Điều 86)

Khi xét xử cùng 01 lần pháp nhân thương mại phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:

- Đối với hình phạt chính:

+ Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung. Hình phạt tiền không tổng hợp với các hình phạt khác;

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong cùng lĩnh vực hoặc hình phạt đã tuyên cùng là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong cùng lĩnh vực thì hình phạt chung là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong lĩnh vực đó;

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn trong cùng lĩnh vực thì được tổng hợp thành hình phạt chung nhưng không vượt quá 04 năm;

+ Nếu trong số các hình phạt đã tuyên có hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 79 của Bộ luật này thì hình phạt chung là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với toàn bộ hoạt động;

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là đình chỉ hoạt động có thời hạn trong các lĩnh vực khác nhau hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong các lĩnh vực khác nhau hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn trong các lĩnh vực khác nhau thì không tổng hợp.

- Đối với hình phạt bổ sung:

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền được cộng lại thành hình phạt chung;

+ Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì pháp nhân thương mại bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

14. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 87)

- Trường hợp pháp nhân thương mại đang chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định nêu trên.

Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước về đình chỉ hoạt động có thời hạn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

- Khi xét xử một pháp nhân thương mại đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định nêu trên.

- Trong trường hợp một pháp nhân thương mại phải chấp hành nhiều bản án đã có hiệu lực pháp luật mà các hình phạt của các bản án chưa được tổng hợp, thì

Chánh án Tòa án có thẩm quyền ra quyết định tổng hợp hình phạt của các bản án theo quy định trên.

15. Miễn hình phạt (Điều 88)

Pháp nhân phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

16. Xóa án tích (Điều 89)

Pháp nhân thương mại bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân thương mại không thực hiện hành vi phạm tội mới.

PHẦN XI

NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

Với quan điểm nhất quán trong việc bảo vệ trẻ em, các quy định của pháp luật hình sự đã dành sự quan tâm đặc biệt cho đối tượng trẻ em vi phạm pháp luật, nhất là những trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội.

Cơ cấu được quy định tại 17 điều luật, cụ thể:

1. Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 91)

- Thay đổi cụm từ “*người chưa thành niên*” thành người “*dưới 18 tuổi*”, đồng thời đề cao nguyên tắc đảm bảo lợi ích tốt nhất cho đối tượng này khi xử lý hình sự.

- Quy định lại nội dung được miễn trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Bổ sung thêm căn cứ những đặc điểm về nhân thân trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi.

- Quy định lại nội dung xét xử đối với người dưới 18 tuổi.

- Quy định trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp khác.

- Nhấn mạnh việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn với người dưới 18 tuổi: “Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất”.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 sửa đổi nguyên tắc: “*Khi xét xử, nếu thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên*”

phạm tội, thì Tòa án áp dụng một trong các biện pháp tư pháp được quy định tại Điều 70 của Bộ luật này” tại khoản 4 Điều 69 BLHS năm 1999 thành: “Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa” (khoản 4).

Với việc sửa đổi và bổ sung các nguyên tắc trên, BLHS năm 2015 được thiết kế để đảm bảo tính nhân đạo và tạo cơ hội cho những người chưa thành niên được giáo dục, cảm hóa, sửa chữa lỗi lầm.

2. Khiển trách (Điều 93)

Đây là một trong những biện pháp giáo dục áp dụng trong trường người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS.

- Khiển trách được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây nhằm giúp họ nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ:

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này (*Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này: Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của Bộ luật này; Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ tội phạm quy định tại các điều 123, 134, 141, 142, 144, 150, 151, 168, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của Bộ luật này; Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án).*

+ Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khiển trách. Việc khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi.

- Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

+ Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc.

+ Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

+ Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp.

- Tùy từng trường hợp cụ thể cơ quan có thẩm quyền ấn định thời gian thực hiện các nghĩa vụ trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp từ 03 tháng đến 01 năm.

3. Hòa giải tại cộng đồng (Điều 94)

Đây là một trong những biện pháp giáo dục áp dụng trong trường người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn TNHS.

- Hòa giải tại cộng đồng được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong những trường hợp sau:

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này;

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

- Người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

+ Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại;

+ Nghĩa vụ quy định (*Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp*).

- Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền ấn định thời điểm xin lỗi, thời gian thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại quy định tại điểm a khoản 3 Điều này (*Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc*) và nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 93 của Bộ luật này (*Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp*) từ 03 tháng đến 01 năm.

4. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Điều 95)

BLHS năm 2015 quy định chi tiết việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn hơn so với BLHS năm 1999:

- Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này;

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.

- Người được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giám sát, giáo dục phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

+ Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động;

+ Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn;

+ Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép;

+ Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 93 của Bộ luật này.

- Nếu người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã chấp hành một phần hai thời hạn và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm giám sát, giáo dục, cơ quan đã áp dụng biện pháp này có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

5. Giáo dục tại trường giáo dưỡng (Điều 96)

Bổ sung quy định sau ngoài quy định đã được đề cập tại BLHS năm 1999:

Người được giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

6. Các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 98)

Người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm:

- Cảnh cáo.

- Phạt tiền.

- Cải tạo không giam giữ.

- Tù có thời hạn.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 quy định không thay đổi nội dung, thay cụm từ “*người chưa thành niên*” thành cụm từ “*người dưới 18 tuổi*”.

7. Phạt tiền (Điều 99)

Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bãi bỏ cụm từ “*người chưa thành niên*”

8. Cải tạo không giam giữ (Điều 100)

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 bổ sung quy định sau: “*Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng*”.

- Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

9. Tù có thời hạn (Điều 101)

Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như sau:

- Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

- Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

9. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt (Điều 102)

Đây là quy định mới tại BLHS năm 2015, BLHS năm 1999 không quy định. Cụ thể:

- Tòa án quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi trong trường hợp chuẩn bị phạm tội hoặc phạm tội chưa đạt theo nguyên tắc quy định đã nêu trên.

- Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá 1/3 mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

Mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chuẩn bị phạm tội không quá 1/2 mức hình phạt được quy định trong khung hình phạt đối với hành vi chuẩn bị phạm tội trong điều luật được áp dụng.

- Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội chưa đạt không quá 1/3 mức hình phạt cao nhất quy định trên.

Mức hình phạt cao nhất áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá 1/2 mức phạt quy định.

10. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội (Điều 103)

BLHS năm 2015 cụ thể hóa quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội hơn so với BLHS năm 1999:

- Khi xét xử cùng một lần người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội thì Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định. Nếu hình phạt chung là cải tạo không giam giữ thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 03 năm. Nếu hình phạt chung là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không được vượt quá 18 năm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội và 12 năm đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội.

- Đối với người dưới 18 tuổi phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

+ Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định nêu trên.

+ Nếu mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện sau khi người đó đủ 16 tuổi nặng hơn mức hình phạt đã tuyên đối với tội được thực hiện trước khi đủ 16 tuổi thì hình phạt chung không vượt quá mức hình phạt cao nhất đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định nêu trên.

- Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

+ Nếu mức hình phạt Toà án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất nêu trên.

+ Nếu mức hình phạt Toà án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.

11. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 104)

Đây là quy định mới tại BLHS năm 2015. Quy định như sau:

- Việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp một người đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước hoặc sau khi có bản án này, được thực hiện theo quy định đã được đề cập trên.

- Hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

12. Giảm mức hình phạt đã tuyên (Điều 105)

- Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiên bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

- Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

- Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 quy định nội dung về giảm mức hình phạt đã tuyên không thay đổi, chỉ thay đổi cụm từ “*người chưa thành niên*” thành cụm từ “*người dưới 18 tuổi*”.

13. Tha tù trước hạn có điều kiện (Điều 106)

Đây là quy định mới tại BLHS năm 2015. Trước đây, BLHS năm 1999 không đề cập đến quy định này.

- Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 của Bộ luật này có thể được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- + Phạm tội lần đầu;
- + Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;
- + Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù;
- + Có nơi cư trú rõ ràng.

- Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 66 của Bộ luật này.

14. Xóa án tích (Điều 107)

BLHS năm 2015 cụ thể hóa các trường hợp được xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Người tù đủ 14 đến dưới 16 tuổi.
- + Người tù đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý.
- + Người bị áp dụng biện pháp tư pháp quy định trên.
- + Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây: 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo; 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; 02 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm; 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.

Nhìn chung những quy định liên quan đến xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi bị kết án trong BLHS năm 2015 được quy định theo hướng có lợi hơn, thể hiện được đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta là khuyến khích, giúp người phạm tội tích cực cải tạo tốt, chấp hành tốt pháp luật, sớm tái hòa nhập cộng đồng để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

BLHS năm 2015 đã mở rộng phạm vi không bị coi là có án tích đối với người chưa thành niên phạm tội: ngoài trường hợp bị áp dụng biện pháp tư pháp, người chưa thành niên là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi trong mọi trường hợp hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm

trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý cũng không bị coi là có án tích.

Sửa đổi quy định thời hạn xóa án tích đối với người chưa thành niên bị kết án: Nếu như BLHS năm 1999 quy định thời hạn để xóa án tích đối với người chưa thành niên là một phần hai thời hạn xóa án tích của người đã thành niên, thì BLHS năm 2015 quy định người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên xóa án tích nếu trong thời hạn 3 năm tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới.

Việc xác định thời hạn 03 năm này không phụ thuộc vào hình phạt chính đã tuyên và theo quy định tại khoản 2 Điều 107 BLHS năm 2015 thì mọi trường hợp có án tích đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án đều thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích chứ không có trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án. Thời hạn xóa án tích được tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc khi hết thời hiệu thi hành bản án. Đây là quy định mới về cách tính thời hạn xóa án tích trong BLHS năm 2015 vì theo quy định BLHS năm 1999 thì thời hạn xóa án tích được tính khi người phạm tội chấp hành xong bản án.

Ngoài ra, theo quy định mới, không còn việc Tòa án cấp giấy chứng nhận xóa án tích cho người được đương nhiên xóa án tích, mà giao trách nhiệm cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp phải cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án./.